TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST
Ngày: 25-3-2021
V/v tranh chấp "hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai

2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên toà:* Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 321/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 11 năm 2020 về "tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp T, xã S, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1966, địa chỉ: ấp TB, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Văn H, sinh năm 1968, địa chỉ: ấp TB, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre

(anh T, bà T1 có mặt, ông H có yêu cầu vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn Nguyễn Văn T trình bày:

Anh có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Thị Kim T1 làm chủ hụi, cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 1: hụi 1.000.000 đồng, hụi khui ngày 25/10/2018 (âm lịch), mỗi tháng khui một lần, gồm 26 phần hụi, anh chơi một phần hụi, hụi có lãi, dây hụi này anh thừa nhận chỉ đóng 20 lần, lần cuối cùng anh đóng hụi là ngày 25/5/2020 (âm lịch), vào tháng 6/2020 (âm lịch) khi bà T1 kêu hụi anh chưa đóng hụi, chưa hốt hụi thì bà T1 úp hụi. Anh không xác định được anh đóng được bao nhiêu tiền hụi gốc vì bà T1 kêu hụi thì anh đóng hụi. Do hụi có lãi nên dây hụi này bà T1 nợ tiền hụi của anh là 20.000.000 đồng. Trong dây hụi này bà T1 có đưa cho anh một giấy hụi, anh đã cung cấp giấy hụi này cho Tòa.

Dây hụi thứ 2: hụi 1.000.000 đồng, hụi khui ngày 17/8/2019 (âm lịch), mỗi tháng khui một lần, gồm 26 phần hụi, anh chơi một phần hụi, hụi có lãi, dây hụi này anh chỉ đóng 11 lần, lần cuối cùng anh đóng hụi là ngày 22/5/2020 (âm lịch), vào tháng 6/2020 (âm lịch) khi bà T1 kêu hụi anh chưa đóng hụi, chưa hốt hụi thì bà T1 úp hụi. Anh không xác định được anh đóng được bao nhiêu tiền hụi gốc vì bà T1 kêu hụi thì anh đóng hụi. Do hụi có lãi nên dây hụi này bà T1 nợ tiền hụi của anh là 11.000.000 đồng. Trong dây hụi này bà T1 có đưa cho anh một giấy hụi, anh đã cung cấp giấy hụi này cho Tòa. Trong giấy hụi này không có tên anh vì bà T1 bán phần hụi của người chơi tên Thảo cho anh. Do bà T1 là chủ hụi và là người bán phần hụi này cho anh nên anh không biết người tên Thảo có họ tên đầy đủ như thế nào và hiện ở đâu.

Ngoài ra khi khởi kiện anh còn cung cấp một bản giấy viết tay có bà T1 ký tên có ghi anh đóng được 21 phần hụi và 12 phần hụi nhưng thực tế anh chỉ đóng được 20 lần và 11 lần ở hai dây hụi.

Anh yêu cầu ông H có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng bà T1 vì ông H và bà T1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn, bà T1 làm chủ hụi để hưởng tiền hoa hồng và sử dụng số tiền đó để làm kinh tế gia đình chứ không phải sử dụng vào việc riêng, những lần đóng hụi đều tại nhà bà T1 và ông H. Quá trình anh tham gia chơi hụi ông H đều biết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh đồng ý cho bà T1 trả dần số nợ hụi là 20.000.000 đồng và rút yêu cầu khởi kiện trách nhiệm liên đới của ông H là vì thông cảm cho hoàn cảnh của bà T1 nhưng sau đó anh không đồng ý với thỏa thuận này nữa.

Tại tòa, anh yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T1 và ông Trần Văn H có trách nhiệm liên đới trả số tiền nợ hụi là 31.000.000 đồng và rút yêu cầu trả lãi chậm trả tính từ ngày 20/11/2020 đến khi Tòa án xét xử xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Theo biên bản lấy lời khai và trong quá trình tố tụng tại tòa bị đơn Nguyễn Thị Kim T1 trình bày:

Bà thừa nhận anh Nguyễn Văn T có chơi hai dây hụi do bà làm chủ hụi. Cụ thể như sau:

Dây hụi thứ 1: hụi 1.000.000 đồng, hụi khui ngày 25/10/2018 (âm lịch), mội tháng khi một lần, gồm 26 phần hụi, anh T chơi một phần hụi, hụi có lãi, dây hụi này anh T chỉ đóng 20 lần, lần cuối cùng anh T đóng hụi là ngày 25/5/2020 (âm lịch), vào tháng 6/2020 (âm lịch) khi bà kêu hụi nhưng anh T chưa đóng hụi thì đến tháng 7/2020 (âm lịch) hụi chưa mãn thì bà úp hụi. Trong dây hụi này anh T chỉ

đóng 11.355.000 đồng.

Dây hụi thứ 2: hụi 1.000.000 đồng, hụi khui ngày 17/8/2019 (âm lịch), mội tháng khui một lần, gồm 26 phần hụi, anh T chơi một phần hụi, hụi có lãi, dây hụi này anh T chỉ đóng 11 lần, lần cuối cùng anh T đóng hụi là ngày 22/5/2020 (âm lịch), vào tháng 6/2020 (âm lịch) khi bà kêu hụi nhưng anh T chưa đóng thì đến tháng 7/2020 (âm lịch) hụi chưa mãn thì bà úp hụi. Trong dây hụi này anh T chỉ đóng 6.200.000 đồng.

Khi người chơi tham gia chơi hụi thì bà có viết giấy hụi để giao cho người chơi, anh T tham gia hai dây hụi nên bà có viết cho anh T hai giấy hụi, giấy hụi ngày 25/10/2018 có tên anh T được ghi ở số thứ tự 11, đối với giấy hụi ngày 17/8/2019 không có tên anh T là vì người chơi tên Thảo tham gia chơi hụi nhưng chỉ đóng hụi được một thời gian thì không đóng nữa nên bà bán lại phần hụi này cho T. Khi giao giấy hụi cho anh T bà có nói với anh T về sửa giấy hụi nhưng anh T không sửa. Chị Thảo trước ở địa phương nhưng nay đã theo chồng trên thành phố, bà không biết rõ chị Thảo họ tên đầy đủ là gì và cũng không rõ hiện nay Thảo ở đâu.

Đối với văn bản bà ký tên xác nhận T đóng được 21 phần hụi và 12 phần hụi nhưng thực tế T chỉ đóng được 20 lần và 11 lần ở hai dây hụi. Do lúc đó người anh của anh T đến nhà nói với bà ký tên đi rồi anh T cho trả dần nên bà mới ký tên nhưng nay bà không đồng ý với văn bản này nữa.

Tổng hai dây hụi anh T chỉ đóng 17.555.000 đồng nên anh T khởi kiện yêu cầu bà và ông H có trách nhiệm liên đới trả 31.000.000 đồng bà không đồng ý. Mặc dù anh T chỉ đóng hụi 17.555.000 đồng nhưng nay bà đồng ý trả cho T 20.000.000 đồng, mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nếu anh T đồng ý số nợ là 20.000.000 đồng thì ông H là chồng bà cũng đồng ý trả cùng bà. Nếu anh T yêu cầu trả 31.000.000 đồng thì ông H không đồng ý trả cùng bà vì bà làm chủ hụi lấy tiền hoa hồng để bà đi chữa bệnh. Bà và ông H là vợ chồng có đăng ký kết hôn nhưng tiền bà đi chữa bệnh là tự bà làm ra. Bà thừa nhận địa điểm bà kêu hụi, khui hụi đều tại căn nhà nơi gia đình bà đang sinh sống nhưng ông H không biết và không liên quan gì đến việc chơi hụi. Anh T rút yêu cầu khởi kiện trả lãi chậm trả bà đồng ý.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 03 tháng 3 năm 2021 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H trình bày:

Ông và bà T1 là vợ chồng có đăng ký kết hôn, sinh sống cùng địa chỉ, hai vợ chồng làm kinh tế chung, bà T1 không làm kinh tế riêng nhưng ông không biết việc bà T1 làm chủ hụi và anh T chơi hụi do bà T1 làm chủ hụi. Bà T1 làm chủ hụi để hưởng tiền hoa hồng nhưng bà T1 sử dụng số tiền đó để đóng hụi thay cho những người không đóng hụi và đi chữa bệnh cho bản thân bà T1 chứ không sử dụng tiền vào các chi tiêu trong gia đình vì vậy ông không đồng ý có trách nhiệm liên đới cùng bà T1 trả tiền nợ hụi cho anh T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn H thực hiện quyền và nghĩa vụ chưa đúng quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T, buộc bị đơn Nguyễn Thị Kim T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T 31.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn Nguyễn Văn T yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Kim T1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Văn H có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ hụi nên đây là "tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1966, địa chỉ: ấp TB, xã TP, huyện P, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn H có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử chấp nhận và xét xử vắng mặt đối với ông H theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn Nguyễn Văn T rút yêu cầu khởi kiện việc yêu cầu trả lãi chậm trả tính từ ngày 20/11/2020 đến khi Tòa án xét xử xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng. Việc rút yêu cầu là tự nguyện và phù hợp với khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu trả lãi của anh T.

[4] Về nội dung: quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Nguyễn Văn T và bị đơn Nguyễn Thị Kim T1 thống nhất được anh T có tham gia chơi hụi do bà T1 làm chủ hụi ở hai dây hụi, hợp đồng góp hụi giữa anh T và bà T1 được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự.

[5] Anh T và bà T1 thống nhất được về thời gian chơi hụi, phần hụi tham gia, số lần anh T đóng hụi, thỏa thuận chơi hụi có lãi, hình thức chơi hụi là hụi hưởng hoa hồng, theo đó người chơi hụi là anh T đóng hụi, chủ hụi là bà T1 thu tiền hụi của người chơi hụi để giao cho người hốt hụi và hưởng tiền hoa hồng. Do đó, việc

bà T1 là chủ hụi đã ngưng hụi khi hụi chưa mãn, anh T chưa được hốt hụi là vi phạm nghĩa vụ của chủ hụi làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh T. Xét thấy, các bên đều thống nhất chơi hụi có lãi nên căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự, Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006, Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường việc anh T yêu cầu trả số tiền nợ hụi 31.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận; bà T1 chỉ đồng ý trả 20.000.000 đồng (tính theo số tiền hụi gốc thực tế đóng hụi) là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với việc anh T yêu cầu ông H là chồng bà T1 phải có trách nhiệm liên đới với bà T1 trả tiền nợ hụi. Hội đồng xét xử xét thấy, mặc dù ông H không đồng ý liên đới cùng bà T1 trả tiền nợ hụi. Tuy nhiên, ông H và bà T1 là vợ chồng hợp pháp thể hiện ở việc có đăng ký kết hôn vào ngày 20/11/1996 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phong, ông H thừa nhận bà T1 dùng tiền hưởng hoa hồng từ việc làm chủ hụi để đi chữa bệnh và bà T1 không làm chủ hụi nhằm tạo tài sản, thu nhập riêng nên căn cứ theo Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình việc anh T yêu cầu ông H có trách nhiệm liên đới cùng với bà T1 trả 31.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Bà T1 yêu cầu được trả dần số tiền nợ hụi mỗi tháng 1.000.000 đồng. Xét thấy, yêu cầu trả dần của bà T1 là không phù hợp vì bà T1 là chủ hụi, sau khi các thành viên góp hụi thì bà T1 có trách nhiệm giao tiền hụi cho các hụi viên. Việc bà T1 ngưng hụi khi các dây hụi chưa mãn là đã vi phạm nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh T. Bà T1 yêu cầu trả dần nhưng không được anh T chấp nhận nên không chấp nhận yêu cầu trả dần của bà T1.

[8] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thuộc trường hợp được miễn nộp án phí nên phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 471, 357, 468 Bộ luật dân sự 2015. Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim T1 và ông Trần Văn H có trách nhiệm liên đới trả lãi chậm trả tính từ ngày 20/11/2020 đến khi Tòa án xét xử xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Văn T. Buộc bà Nguyễn Thị Kim T1 và ông Trần Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho anh Nguyễn Văn T 31.000.000 đồng (ba mươi mốt triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim T1 và ông Trần Văn H có trách nhiệm liên đới chịu 1.550.000 đồng.

Anh Nguyễn Văn T được Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 825.000 đồng theo biên lai thu số 0005482 ngày 27/11/2020.

4. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Thị Lan